

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HC-ST
Ngày 27-4-2018
V/v khiếu kiện quyết định thu hồi đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Linh Chi

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Ngọc Tiến - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Phạm Duy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 18/2017/TLST-HC ngày 13/7/2018 về việc khiếu kiện hủy quyết định thu hồi đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 338/QĐXXST-HC ngày 14/4/2018, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Bùi Thị Thúy; cư trú tại: Thôn T, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng, có trụ sở tại: Thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Duy Đ; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A, Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Bùi Văn L; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Bùi Văn L: Bà Bùi Thị Tlà người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/01/2018); có mặt.

2. Anh Bùi Ngọc T; vắng mặt.

3. Anh Bùi Hoàng Ngọc A, sinh ngày 16/9/2000.

Người đại diện hợp pháp của anh Bùi Hoàng Ngọc A: Bà Bùi Thị T và ông Bùi Văn L là người đại diện theo pháp luật; đều có mặt

Đều cư trú tại: Thôn T, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Bùi Thị T nhận được Quyết định thu hồi đất số 200/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện A khi gia đình bà chưa nhận được bất cứ phương án bồi thường chính thức nào đối với việc thu hồi đất. Không đồng ý với Quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện A, ngày 04/4/2017 bà T đã gửi đơn khiếu nại về việc bồi thường giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà.

Ngày 07/7/2017, bà T nhận được “Phiếu giao việc” của Ủy ban nhân dân huyện A giao cho Phòng Tài Nguyên và Môi trường xem xét trả lời bà trước ngày 17/4/2017. Tuy nhiên, hết thời hạn giải quyết đơn theo quy định nhưng bà T không nhận được trả lời về việc giải quyết đơn. Ngày 19/4/2017, bà T gửi đơn lần hai và ngày 24/4/2017, bà T tiếp tục gửi đơn lần ba. Ngày 18/5/2017, Ủy ban nhân dân huyện A có công văn số 485/UBND-VP trả lời đơn của bà với nội dung: “Gia đình cung cấp phương án nộp tiền ngày 20/7/1995 nhưng không cung cấp được giấy tờ hóa đơn chứng từ theo quy định của Thông tư số 37/2017/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để xác định việc đã thực hiện nghĩa vụ tài chính”. Bà T cho rằng, theo quy định của Luật Đất đai việc xác minh nguồn gốc đất ngoài các chứng từ người dân cung cấp thì Ủy ban nhân dân phải căn cứ vào thời điểm sử dụng đất để tính toán phương án bồi thường theo quy định.

Ngày 03/7/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2017 của bà Bùi Thị T yêu cầu:

1. Hủy Quyết định thu hồi đất số 200/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

2. Yêu cầu Tòa án công nhận nguồn gốc đất của bà bị thu hồi là đất ở và buộc các cơ quan chức năng huyện A bồi thường đất ở của gia đình bà bị thu hồi trong Dự án đầu tư, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 10.

Ngày 11/7/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được đơn sửa đổi, bổ sung khởi kiện đề ngày 10/7/2017 của bà T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định thu hồi đất số 200/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện A.

Các căn cứ đưa ra yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện:

Gia đình bà T có diện tích đất và nhà tại địa chỉ thôn T, xã Q, huyện A, Hải Phòng. Nguồn gốc nhà và đất là của bố mẹ chồng bà là ông Bùi Ngọc L và bà Đặng Thị Q để lại cho ba anh em. Diện tích đất bị thu hồi trước đây là của Bến xe

khách chợ Kênh. Năm 1972, bố mẹ chồng bà được điều về trông coi bến xe. Năm 1986, bến xe không sử dụng nữa nên Sở Giao thông vận tải thanh lý 03 gian nhà chợ đợi và toàn bộ khu vực đất bến xe cho ông L, bà Q, có giấy tờ thanh lý nhà đất bến xe của Sở Giao thông vận tải. Ngoài ra, gia đình còn có giấy tờ của địa chính đất và trích đo thửa đất.

Tại Quyết định thu hồi đất số 200/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện A thu hồi của gia đình bà 34,9m² đất nhưng thực tế diện tích đất bị thu hồi là 49,8m². Đất của gia đình bà là đất thổ cư có đóng thuế hàng năm và đã ở từ năm 1972 cho đến năm 1986 sau khi đất được thanh lý từ Xí nghiệp xe khách Hải Phòng, gia đình bà ở từ đó đến nay. Trong khi đó, phương án bồi thường, hỗ trợ lại chỉ có 22,9m² là không phù hợp với Quyết định thu hồi đất. Mặt khác, cũng không phù hợp với diện tích đất thực tế bị thu hồi là 49,8m² như biên bản làm việc ngày 26/3/2017 đã thể hiện diện tích đất ở của gia đình bà. Toàn bộ diện tích đất ở của gia đình bà là đất ở, không có đất hành lang giao thông như trong Quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện A. Không có văn bản hướng dẫn cụ thể về đất hàng lang giao thông.

Phương án đền bù đất đai năm 2000 khi Ủy ban nhân dân xã Q và Ủy ban nhân dân huyện A giao cho bà không ghi ngày tháng, chỉ ghi năm 2000, đã thu hồi 4m² mặt đường của gia đình bà đến nay không được bồi thường. Bà T trình bày năm 2000, Ủy ban nhân dân xã Q mang đến cho gia đình bà 4.000.000 đồng là để trả tiền cây gạo và quán nhưng không có giấy tờ gì. Bà Tyêu cầu Tòa án thu thập:

1. Phương án đền bù năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Q và Ủy ban nhân dân huyện A.

2. Diện tích đất thực tế bị thu hồi là 49,8m² tại Ủy ban nhân dân xã Q và Ủy ban nhân dân huyện A.

Tại đơn khởi kiện, bà T yêu cầu xác định Hội đồng giải phóng mặt bằng mở rộng Quốc lộ 10 huyện A, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện A, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A và Ủy ban nhân dân xã Q huyện A là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/4/2018 và tại phiên tòa bà T và ông L rút lại yêu cầu trên.

Quan điểm của người bị kiện:

Trên cơ sở hồ sơ gia đình ông Bùi Văn L cung cấp và các hồ sơ tài liệu quản lý đất đai tại địa phương, Ủy ban nhân dân huyện A xác định nguồn gốc đất đảm bảo theo quy định của pháp luật. Việc thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với hộ ông Bùi Văn L, Ủy ban nhân dân huyện A thực hiện công khai, dân chủ theo đúng quy định của Luật Đất đai. Việc bà Bùi Thị T khởi kiện là quyền của công dân, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Thống nhất với lời trình bày của bà T về nội dung khởi kiện cũng như bà T có toàn quyền quyết định việc khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Luật Tố tụng Hành chính. Đối chiếu với bản đồ thu hồi đất dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 10 năm 2015 thì chỉ giới thu hồi đất của hộ gia đình ông Bùi Văn L được xác định sau chỉ giới thu hồi dự án mở rộng Quốc lộ 10 năm 2000. Như vậy, diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 10 là 22,09m². Ủy ban nhân dân huyện A đã thực hiện đầy đủ, trình tự, thủ tục theo quy định, đúng thẩm quyền và căn cứ pháp luật nên yêu cầu của bà Bùi Thị T không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Ngọc T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của người bị kiện và anh Tùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Bà Bùi Thị T là vợ của ông Bùi Văn L. Theo lời khai của bà Thúy, nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định thu hồi đất số 200/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện A đã được bố mẹ chồng của bà cho lại ba anh em. Diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định này không đúng với diện tích đất thực tế gia đình bà đang sử dụng đã bị thu hồi là quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm nên bà có quyền khởi kiện. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 3; điểm c khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính thì Quyết định thu hồi đất số 200/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện A là Quyết định hành chính bị kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 18/5/2017, Ủy ban nhân dân huyện A trả lời khiếu nại của bà T và ngày 03/7/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2017 của bà T là đảm bảo quyền khởi kiện và

thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 115; khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi đất: Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân huyện A có thẩm quyền quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Bùi Văn L (có vợ là bà Bùi Thị T).

[4] Về nguồn gốc đất bị thu hồi: Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Q về nguồn gốc đất bị thu hồi của gia đình bà T tại hồ sơ quản lý đất đai là của ông Bùi Ngọc L và bà Đặng Thị Q. Trước năm 1986, là bến xe Kênh có dãy nhà trông coi cách đường 10 cũ 7.0m. Hộ gia đình ông Lâm là công nhân trông coi bến xe, cả gia đình đã ở trông coi từ năm 1972. Đến năm 1986, bến xe không hoạt động thì gia đình ông Lâm cùng các con vẫn ở đó, đến năm 1994 gia đình ông L, bà Q có đơn xin thanh lý nhà bến xe và đất ở và đã được Ủy ban nhân dân huyện A đồng ý thanh lý cho gia đình bà Quý ½ nhà và đất ở. Ngày 20/3/1995, bà T đơn đề nghị xin giảm mức lệ phí về nghĩa vụ tài chính. Ngày 22/6/1995, Ủy ban nhân dân xã huyện A xác nhận “đề nghị của bà Q trình bày là đúng, Huyện đã đồng ý cấp cho gia đình đất ở từ tháng 3/1994 nhưng đến nay chưa nộp tiền cho nên chưa có Quyết định. Theo thẩm quyền huyện không được xét miễn, giảm”.

[5] Về vị trí diện tích đất bị thu hồi: Theo Biên bản xác minh ngày 15/12/2016 về vị trí thửa đất thanh lý của các hộ là phần đất và nhà chờ đợi bến xe cách đường 10 cũ là 7.0m, trong đó có vị trí thửa đất của hộ gia đình ông L, bà T.

[6] Về nghĩa vụ tài chính: Theo biểu tính toán tiền đền bù cho hộ gia đình bà Quý vào ngày 20/7/1995 thì gia đình bà Q chưa thực hiện đủ nghĩa vụ tài chính. Ngày 22/6/2016, Ủy ban nhân dân xã Q xác minh về việc nộp nghĩa vụ tài chính của các hộ và các hộ cam kết thời điểm đó gia đình có nộp tiền. Tuy nhiên, đến ngày 05/11/2017, các hộ gia đình không cung cấp được hóa đơn nộp tiền theo biểu tính ngày 20/7/1995, trong đó có gia đình bà T. Ngày 09/11/2017, Ủy ban nhân dân xã đã thông báo công khai và lập biên bản kết thúc công khai về vị trí, diện tích thửa đất các hộ đang sử dụng và nghĩa vụ tài chính của các hộ có đất bị thu hồi.

[7] Từ các căn cứ trên xác định, quá trình sử dụng đất của hộ bà T có nguồn gốc thanh lý nhà và đất bến xe chợ Kênh từ tháng 3/1994 có vị trí cách đường 10 cũ là 7.0m. Gia đình ông L và bà Q chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước về diện tích đất được thanh lý.

[8] Bà T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 200/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện A vì tại Quyết định thu hồi 34,9m² nhưng phương án bồi thường chỉ bồi thường cho gia đình bà 22,9m² và tại Biên

bản làm việc ngày 26/3/2017 thể hiện đất ở của bà bị thu hồi là 49,8m² nhưng tại Quyết định thu hồi số 200/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện A lại quyết định thu hồi của gia đình bà 34,9m² trong đó có 14,03m² đất hàng lang giao thông là không đúng, không có văn bản nào hướng dẫn về đất hàng lang giao thông, Hội đồng xét xử thấy: Các tài liệu thu thập được thì gia đình bà T không chứng minh được việc nộp tiền sử dụng đất nên trong trích lục nguồn gốc đất công khai đến hộ ông Bùi Văn L chưa xác định nghĩa vụ tài chính. Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bà T không cung cấp được hóa đơn, chứng từ để chứng minh nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đã được thanh lý từ năm 1994. Gia đình bà T chưa có Quyết định về việc giao đất ở. Tại biên bản làm việc ngày 26/3/2017, ông L cũng trình bày nếu sau này gia đình ông có bằng chứng chứng minh được diện tích đất 26,8m² đã bị thu hồi là đất ở của gia đình chứ không phải là đất hàng lang giao thông thì Ủy ban nhân dân xã và Ủy ban nhân dân huyện phải có trách nhiệm chi trả toàn bộ tiền đất và tài sản trên đất theo giá đất ở cho gia đình ông. Như vậy, tại Biên bản làm việc ngày 26/3/2017, ông L đã xác nhận không có chứng cứ chứng minh diện tích đất 26,8m² đã thu hồi là đất ở của gia đình ông. Tại Biên bản này cũng xác định diện tích đất ở của gia đình bà T là 22,09m². Mặt khác, căn cứ vào bản đồ thu hồi quốc lộ 10 năm 2000 thì mốc giới giải phóng mặt bằng năm 2000 đã thu hồi và làm vào 4,0m. Bà T cũng xác nhận Dự án nâng cấp quốc lộ 10 năm 2000 đã thu hồi vào đất của gia đình bà 4,0m. Bà T khai chưa được nhận tiền bồi thường mà Ủy ban nhân dân xã chỉ trả cho bà 4.000.000 đồng tiền quán và cây gạo. Tuy nhiên, tại Báo cáo số 14/CV-UBND ngày 26/4/2017 của Ủy ban nhân dân xã Qtrả lời đơn của ông Bùi Văn L về việc giải phóng mặt bằng thì Ủy ban nhân dân xã đã làm việc với ông L và cung cấp cho ông L biên bản kiểm kê ngày 30/8/2000 và phương án tính tiền năm 2000, danh sách kí nhận tiền theo quyết định số 140 ngày 23/01/2002. Căn cứ Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành Điều lệ Bảo vệ đường bộ và điểm a mục 3 phần B Thông tư số 185/TT-PC ngày 26/9/1983 của Bộ Giao thông vận tải quy định về phạm vi hành lang bảo vệ đối với đường nói chung là dưới 10 mét tính từ chân mái đường đắp và từ mép đỉnh mái đường đào trở ra hai bên. Do vậy, mốc giới giải phóng mặt bằng tuyến đường quốc lộ 10 năm 2000 làm vào 4,0m là đúng quy định. Gia đình bà T không có căn cứ chứng minh là diện tích đất bị thu hồi là đất ở nên chỉ được bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất là đúng quy định của Luật Đất đai. Bà T cho rằng theo biên bản làm việc ngày 26/3/2017 đã xác định diện tích đất ở của gia đình bà thực tế bị thu hồi còn thiếu 26,8m² là không có căn cứ.

[9] Chỉ giới thu hồi đất thực hiện Dự án Quốc lộ 10 năm 2000 giai đoạn I đã thu hồi, làm đường và rãnh nước là 4m chiều sâu tính từ mép nhựa hiện trạng, do đó đất của hộ bà T cách từ mép ngoài rãnh nước vào là 3.0m là đất hàng lang giao

thông, từ sau mốc 3.0m là đất ở của gia đình bà T. Tại Quyết định thu hồi đất số 200/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện A thể hiện thu hồi của bà T diện tích đất 34,9m², trong đó đất ở là 20.87m², đất hành lang giao thông là 14.03m². Và ngày 16/5/2017, Ủy ban nhân dân huyện A ban hành Quyết định số 1496/QĐ-UBND về việc bổ sung thu hồi đất ở của hộ gia đình ông Bùi Văn L 1,22m² trong số diện tích đất hành lang giao thông 14,03m² tại Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện A. Như vậy, đất hành lang giao thông theo Quyết định thu hồi đất số 200/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 chỉ còn lại 12,81m². Bà T trình bày không nhận được Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 16/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện A nhưng có nhận được Quyết định phê duyệt phương án bồi thường bổ sung diện tích đất ở 1,22m² và gia đình bà đã nhận đủ số tiền bồi thường về đất ở là 22,09m². Do đó, phương án bồi thường, hỗ trợ về đất của Ủy ban nhân dân huyện A chỉ bồi thường diện tích đất ở là 22.9m² cho gia đình bà T mà không bồi thường về đất hành lang giao thông là đúng quy định tại Điều 82 của Luật Đất đai.

[10] Trình tự, thủ tục ban hành Quyết định thu hồi đất: Căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 25/6/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu 2011-2025 của huyện A; quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 20/7/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao Ủy ban nhân dân các huyện An Dương, An Lão, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo làm chủ đầu tư các tiểu dự án giải phóng mặt bằng đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc Lộ 10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn thành phố Hải Phòng. Ngày 15/6/2015, Ủy ban nhân dân huyện A đã ban hành Thông báo số 642/TB-UBND về việc thu hồi đất ở để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 trên địa bàn xã Quang Trung và Thông báo số 643/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 tại xã Q, huyện A. Thông báo thu hồi đất đã được niêm yết công khai và gửi cho các hộ có đất bị thu hồi. Sau khi ban hành Thông báo về việc thu hồi đất, Ủy ban nhân dân huyện A đã kiểm kê, lập, phê duyệt các phương án bồi thường và ngày 08/02/2017 ban hành Quyết định thu hồi đất số 200/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ ông Bùi Văn L. Ủy ban nhân dân huyện A đã tiến hành niêm yết, công khai các quyết định trên tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q đúng quy định của luật. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện A đã thực hiện đầy đủ, trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 69 của Luật Đất đai.

[11] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy căn cứ đưa ra yêu cầu khởi kiện của bà T không có cơ sở chấp nhận.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 và 2 Điều 3; điểm c khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115; khoản 3 Điều 116; Điều 120; Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 66; Điều 69; Điều 82 của Luật Đất đai;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T về việc khiếu kiện hủy Quyết định thu hồi đất số 200/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm. Bà T đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0003854 ngày 13/7/2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Quyền kháng cáo:

- Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Hải Phòng;
- UBND huyện A;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp